

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUỖN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16/11/2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
của nam, nữ chung sống với nhau như
vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUỖN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Thanh.

Ông Phạm Minh Hưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
DuỖn Hải, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DuỖn Hải, tỉnh Trà Vinh tham
gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện DuỖn Hải,
tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST-
HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam,
nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã D,
tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Quốc Đại N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện D,
tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết
vụ án chị Trần Thị Kim H trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị H và anh Lê Quốc Đại
N tìm hiểu nhau được thời gian 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức
lễ cưới vào năm 2016. Nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Chị H cho biết,
chị và anh N chung sống với nhau được vài tháng thì cả hai đã xảy ra những mâu
thuẫn nhỏ. Nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn, mà thường xuyên đi chơi, tổ
chức uống rượu cùng bạn bè và có hành vi đánh đập chị H. Nhưng chị H bỏ qua và
tiếp tục chung sống với anh N cho đến tháng 9/2020 anh N có hành vi đánh chị H đến
ngất xỉu. Sau đó, chị H được người thân đưa đi bệnh viện. Sau khi xuất viện thì chị H
không về sống chung với anh N mà trở về sống cùng mẹ ruột tại ấp A, xã B, thị xã D
cho đến nay. Trong khoảng thời gian chị H về sống cùng với mẹ ruột, anh N có nhiều

lần đến nhà chửi bới, đe dọa chị H và có hành vi đập phá đồ đạc (bàn, ghế) của mẹ ruột chị H. Vì vậy, chị H nhận thấy cần phải chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với anh Lê Quốc Đại N nên chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh Lê Quốc Đại N. Tại bên bản không tiến hành hòa giải được ngày 26/10/2021 chị H xin được xét xử vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về con chung có 01 (một) con chung tên Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 27/11/2017, chị H yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2021 bị đơn anh Lê Quốc Đại N trình bày: Anh và chị Trần Thị Kim H kết hôn vào năm 2017, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi và anh thừa nhận có đánh chị H, nhưng không thường xuyên. Anh N cho biết anh và chị H không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2021 (khoảng 07 tháng tính từ thời điểm lấy lời khai anh N). Trong thời gian này, anh N có đến năn nỉ chị H trở về chung sống, nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H yêu cầu ly hôn, phía anh N đồng ý ly hôn. Về con chung, anh N trình bày thống nhất có 01 người con chung tên Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 27/11/2017, anh N đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh N khai không có.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, qua hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của đương sự. Xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim H và anh Lê Quốc Đại N chung sống với nhau như vợ chồng trong một thời gian dài, đến nay cả hai không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Kim H và anh Lê Quốc Đại N là vợ chồng.

- Về con chung: Chị H và anh N xác nhận có 01 con chung tên Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 27/11/2017, chị H yêu cầu được quyền nuôi con, anh N không có tranh chấp về việc nuôi con nên việc để chị H tiếp tục nuôi cháu Tuyết M là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không có yêu cầu nên không xem xét đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 39, 147, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Không công nhận chị Trần Thị Kim H và anh Lê Quốc Đại N là vợ chồng.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Trần Thị Tuyết M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét do các bên không yêu cầu.
- Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị H nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy đơn khởi kiện của chị Trần Thị Kim H có nội dung yêu cầu ly hôn (không có đăng ký kết hôn) với anh Lê Quốc Đại N, nơi cư trú tại ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Duyên Hải), yêu cầu nuôi con chung tên Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 27/11/2017, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung nên đây là quan hệ tranh chấp về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”* theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Kim H và anh Lê Quốc Đại N yêu cầu được xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh N theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét thấy chị Trần Thị Kim H và anh Lê Quốc Đại N tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đã chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng chị H và anh N không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của chị H và anh N là không hợp pháp và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị H và anh N đều thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh N theo quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 27/11/2017, nhận thấy anh N đồng ý giao con chung Trần Thị Tuyết M lại cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh N khai không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh N khai không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[4]. Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị Kim H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim H;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Kim H và anh Lê Quốc Đại N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 27/11/2017 cho chị Trần Thị Kim H tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết và khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị H và anh N khai không có.

5. Về nợ chung: Chị H và anh N khai không có.

6. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006791 ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí. Anh Lê Quốc Đại N không phải chịu án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Linh